

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 70 /2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23 /11/2021  
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Văn Xuyên

***Các Hội thẩm nhân dân:***

[1].ông Nguyễn Minh Sáu.

[2].Ông Phạm Thành Đô.

***Thư ký phiên tòa:*** ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 371/2021/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/202 / QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** anh Lê B P; sinh năm 1990 ( có mặt )

Địa chỉ : Thôn 4 , xã B M, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:** chị Nguyễn Th H; sinh năm 1993( vắng mặt )

Địa chỉ : Thôn 4 , xã B M, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Bon Ja Lú B, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/05/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lê B P trình bày: Tôi và cô Nguyễn Th H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước năm 2011, số đăng ký 62/2011, ngày 09/9/2011. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn quan tâm tới nhau nữa, đã sống ly thân từ tháng 2/2019 đến nay, vợ chồng không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Lê T Ph, sinh ngày 25/6/2012, nguyên vọng sau ly hôn anh Lê B P nhận nuôi con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn chị Nguyễn Th H ( có đơn xin vắng mặt) qua lời khai trình bày: Vợ chồng sống chung và có đăng ký kết hôn là đúng, mâu thuẫn là đúng, đồng ý ly hôn.

Về con chung: Lê T Ph, sinh ngày 25/6/2012, chị đồng ý giao con cho anh Phước nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: anh Lê B P có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Th H , nay anh Lê B P xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng anh Lê B P và chị Nguyễn Th H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước năm 2011, số đăng ký 62/2011 ngày 09/9/2011, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Th H và anh Lê B P là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn Th H và anh Lê B P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đều thừa nhận và đã sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, anh Lê B P được ly hôn với chị Nguyễn Th H.

[4] Về con chung, theo sự đồng ý của các đương sự, giao cháu Lê T Ph, sinh ngày 25/6/2012 cho anh Lê B P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: anh Lê B P nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, anh Lê B P được ly hôn với chị Nguyễn Th H.

[2] Về con chung, giao cháu Lê T Ph, sinh ngày 25/6/2012 cho anh Lê B P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng.

[3] Tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: anh Lê B P nộp số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000055 ngày 27/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Xuyên**